Trong tiến trình phát triển của lịch sử, hầu như dân tộc nào cũng có những văn kiện có tính chất tuyên ngôn về độc lập, chủ quyền được công bố rộng rãi trong một hoàn cảnh nhất định.

Lịch sử dân tộc Việt Nam với truyền thống hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã từng được chứng kiến sự ra đời của nhiều bản Tuyên ngôn độc lập.

Trong đó có ba bản Tuyên ngôn tiêu biểu, tương ứng với mỗi giai đoạn khác nhau, qua đó khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự chủ của dân tộc. Bao gồm: Nam quốc sơn hà(1076) của Lý Thường Kiệt; Bình Ngô đại cáo (1428) của Nguyễn Trãi; Tuyên ngôn độc lập (1945) của Hồ Chí Minh.

1. **Nam quốc sơn hà**

Năm 1076, 30 vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tràn sang xâm chiếm nước ta. Lý Thường Kiệt là tổng chỉ huy quân ta đã kiên cường chống lại đội quân xâm lược đến từ phương Bắc.

Ông cho lập phòng tuyến sông Như Nguyệt (còn gọi là sông Cầu) để chặn giặc, Sau đó, cho quân vây đánh chúng ở vùng biển Quảng Ninh. Nhiều trận quyết đấu đã xảy ra, do chênh lệch về lực lượng, quân Tống có thời điểm đã chọc thủng được phòng tuyến sông Như Nguyệt.

Trước tình thế khó khăn, Lý Thường Kiệt đã đọc bài thơ Nam quốc sơn hà.

Trong “Nam quốc sơn hà” Lý Thường Kiệt đã thể hiện rất rõ lòng tự tin, tự hào dân tộc. khích lệ tinh thần của binh sỹ và tỏ rõ chí khí của quân dân ta.

“Nam quốc sơn hà” vừa khẳng định chủ quyền lãnh thổ vừa thể hiện niềm tin tất thắng dựa vào chân lý và chính nghĩa. Đó cũng chính là sự thăng hoa của tâm hồn dân tộc được hun đúc nên từ lịch sử của những cuộc chiến đấu chống xâm lăng.

1. **Bình Ngô đại cáo**

Tác giả đã thay lời Lê Lợi tuyên cáo với muôn dân về việc kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, giành lại độc lập cho nước Đại Việt.

Nguyễn Trãi đã nhấn mạnh những điều chứng tỏ quyền độc lập, tự chủ của dân tộc: Nước ta đã có một nền văn hiến lâu đời, có bờ cõi riêng, có phong tục riêng, có các triều đại sánh ngang với phương Bắc.

Từ “Bình Ngô đại cáo” có thể thấy được toàn cảnh cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược vô cùng gian khổ nhưng rất đỗi hào hùng của nhân dân ta. Ca ngợi tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất, không ngại khó ngại khổ ấy.

“Bình Ngô đại cáo” cho đến nay vẫn được xem là áng “thiên cổ hùng văn” bởi sự kết hợp, hoà quyện nhuần nhuyễn giữa cảm hứng chính trị và cảm hứng nghệ thuật.

1. **Tuyên ngôn độc lập của HCM**

Sau khi cuộc cách mạng tháng 8 thành công, vào ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” trước đông đảo quốc dân đồng bào khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Tuyên ngôn độc lập vừa là văn kiện chính trị quan trọng của dân tộc vừa là tác phẩm văn chính luận có giá trị lớn, khẳng định quyền độc lập của dân tộc dựa trên công lý về quyền con người.

Bác đã khéo léo viện dẫn lời của hai bản Tuyên ngôn của hai nước lớn có truyền thống dân chủ, bình đẳng nhưng lúc bấy giờ đang đi ngược lại những nguyên tắc của cha ông mình, đó là “Bản tuyên ngôn độc lập” năm 1776 của Mỹ và “Tuyên ngôn nhân quyền năm 1791 của Pháp”.

Điểm sáng tạo đó đồng thời là tư tưởng cốt lõi trong Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh là việc khẳng định quyền con người và quyền độc lập dân tộc không thể tách rời nhau.

Kết thúc bản Tuyên ngôn, Hồ Chớ Minh đã chỉ ra: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đó trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết dem tất cả tinh thần và lực lượng, tinh mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Sức mạnh và tính thuyết phục của tác phẩm được thể hiện ở cách lập luận chặt chẽ, lời lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ hùng hồn đầy cảm xúc, đó cũng là áng văn tâm huyết của chủ tịch Hồ Chí Minh, hội tụ vẻ đẹp tư tưởng và tình cảm của Người.